

- Tên viết tắt: YSHOCO;

- Trụ sở chính: 488 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần kinh doanh các ngành nghề:

- Sản xuất, xuất nhập khẩu nguyên liệu, giấy dếp các loại;

- Dịch vụ, thương mại;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty cổ phần Giấy Yên Viên là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Công ty Giấy Yên Viên tổ chức hán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Giấy Yên Viên theo đúng quy định hiện hành.

Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Giấy Yên Viên có trách nhiệm điều hành công việc của Công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, đất đai cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Giám đốc Công ty Giấy Yên Viên và

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Giấy Yên Viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

BÙI XUÂN KHU

THÔNG TƯ số 03/2003/TT-BCN
ngày 19/11/2003 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 74/2003/NĐ-CP ngày 26/6/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 74/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn như sau:

I. VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh

vực điện lực là hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động điện lực và sử dụng điện mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 1 của Nghị định số 74/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực (sau đây gọi tắt là Nghị định số 74/2003/NĐ-CP), bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động điện lực;
- b) Vi phạm các quy định về xây dựng, sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- c) Vi phạm các quy định về cung ứng điện;
- d) Vi phạm các quy định về sử dụng điện;
- đ) Vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình điện và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

2. Việc xử phạt người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo.

Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng các hình thức xử phạt quy định tại Nghị

định số 74/2003/NĐ-CP. Khi áp dụng hình thức phạt tiền đối với họ thì mức phạt tiền không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay.

Người chưa thành niên vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực mà gây thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Vi phạm có tổ chức trong lĩnh vực điện lực là trường hợp có từ hai người trở lên cấu kết, cố ý cùng thực hiện vi phạm hành chính.

4. Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực điện lực là trường hợp thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực mà trước đó đã vi phạm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt.

5. Tái phạm là trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực đã bị xử phạt nhưng chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà lại thực hiện hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định số 74/2003/NĐ-CP.

6. Tình thế cấp thiết quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần

ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không bị xử phạt vi phạm hành chính.

7. Phòng vệ chính đáng quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP là hành vi của một người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm hại các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không bị xử lý vi phạm hành chính.

8. Sự kiện bất ngờ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP là trường hợp người thực hiện hành vi không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó. Không xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp sự kiện bất ngờ.

9. Người thực hiện vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP thì không bị xử phạt vi phạm hành chính.

10. Thời hạn, thời hiệu trong Nghị định số 74/2003/NĐ-CP được quy định theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch.

Thời hạn trong Nghị định số 74/2003/NĐ-CP và Thông tư này được quy định theo ngày thì khoảng thời gian đó được tính theo ngày làm việc.

II. VỀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

1. Hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 là hành vi lợi dụng việc xây dựng, vận hành, sửa chữa lưới điện để chặt cây, tảo cây hoặc phá dỡ công trình không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn lưới điện.

2. Hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 là hành vi tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực vi phạm một trong các quy định về đầu tư phát triển điện lực như đầu tư không đúng với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia hoặc quy hoạch phát triển điện lực địa phương; vi phạm các quy định về thiết kế kỹ thuật; vi phạm các quy định tại Quyết định số 50/2002/QĐ-BCN ngày 25 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy định về quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; vi phạm các quy định khác về đầu tư phát triển điện lực.

3. Hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 là hành vi kiểm tra tổ chức, cá nhân sử dụng điện nhưng không xuất trình một trong hai loại giấy tờ: thẻ nghiệp vụ hoặc quyết định kiểm tra của cơ quan, đơn vị quản lý lưới điện.

Thẻ nghiệp vụ là Thẻ Kiểm tra viên điện lực được quy định tại Quyết định số 42/2002/QĐ-BCN ngày 09 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy định về kiểm tra cung ứng, sử

dụng điện và xử lý vi phạm hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi tắt là Quyết định số 42/2002/QĐ-BCN);

Quyết định kiểm tra là văn bản giao nhiệm vụ của bên bán điện, trong đó ghi rõ lý do, mục đích, đối tượng, nội dung, thời gian và thành phần kiểm tra.

4. Hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 là hành vi vi phạm một trong các nội dung thông báo được quy định tại Quy định trình tự và thủ tục ngừng cấp điện ban hành kèm theo Quyết định số 52/2001/QĐ-BCN ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

5. Phiếu công tác quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 là phiếu ghi lệnh cho phép làm việc ở thiết bị điện, trong đó quy định nơi làm việc, thời gian, nội dung làm việc và điều kiện tiến hành công việc, thành phần đơn vị công tác và người chịu trách nhiệm về an toàn.

6. Phiếu giao nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 là phiếu ghi lệnh của người có thẩm quyền của đơn vị bán điện phân công công việc cho cán bộ, công nhân viên trong đơn vị mình thực hiện công việc chuyên môn, bao gồm: Phiếu thao tác; Phiếu thay thế sửa chữa thiết bị điện; Phiếu treo, tháo công tơ; Lệnh công tác.

7. Thẻ nghiệp vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 là Thẻ Kiểm định viên của người hiệu chỉnh công tơ trong trường hợp hiệu chỉnh công tơ.

8. Hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 là hành vi không tiến hành xử lý sự cố sau hai giờ kể từ khi nhận được thông báo của bên mua điện về sự cố lưới điện do bên bán điện quản lý, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 42/2002/QĐ-BCN.

9. Hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 là hành vi vi phạm các quy định tại Quyết định số 52/2001/QĐ-BCN ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ngừng cấp điện.

10. Việc xử phạt hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 74/2003/NĐ-CP được áp dụng đối với mọi cá nhân, tổ chức có hành vi trộm cắp điện.

Trường hợp cá nhân có hành vi trộm cắp điện đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án để xử lý hành chính của cơ quan có thẩm quyền thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng khung phạt tiền cao nhất tùy theo mục đích trộm cắp điện.

Việc xác định điện năng bị trộm cắp được tính theo quy định tại Quyết định số 42/2002/QĐ-BCN.

11. Hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 là hành vi tổ chức, cá nhân sử dụng thêm nguồn điện khác của bên bán ngoài nguồn điện đã ghi trong hợp đồng nhưng chưa được sự đồng ý của bên bán điện.

12. Hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 là hành vi không đặt hệ thống biển báo, đèn tín hiệu, chỉ dẫn khu vực nguy hiểm tại vị trí công trình điện quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam 2572-78 và các quy định của ngành giao thông vận tải; hành vi không đặt cột mốc hoặc dấu hiệu dọc theo đường cáp ngầm trong đất là hành vi không ghi đầy đủ các ký hiệu, nhãn hiệu dọc theo đường cáp ngầm trong đất quy định tại Quy phạm trang bị điện 11 TCN 19:1984.

III. VỀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

1. Về trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn giản quy định tại khoản 2 Điều 15: Xử phạt theo thủ tục đơn giản là trường hợp xử phạt theo đó người có thẩm quyền xử phạt không lập biên bản mà ra quyết định xử phạt tại chỗ. Những trường hợp được tiến hành xử phạt theo thủ tục đơn giản bao gồm:

a) Hành vi vi phạm hành chính quy định bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng;

b) Nhiều hành vi vi phạm hành chính do một người thực hiện mà hình thức và mức phạt quy định đối với mỗi hành vi này đều là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng.

Trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn

giản, người có thẩm quyền không lập biên bản mà ra quyết định xử phạt tại chỗ. Quyết định xử phạt phải thể hiện bằng văn bản theo mẫu quy định, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, địa chỉ của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; điều, khoản của văn bản được áp dụng; họ tên, chức vụ của người ra quyết định.

Quyết định xử phạt phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính phát hành. Trong trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ, cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của Kiểm tra viên điện lực

Kiểm tra viên điện lực đang thi hành công vụ có trách nhiệm lập biên bản theo đúng mẫu quy định tại Nghị định số 74/2003/NĐ-CP đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực mà mình phát hiện và chuyển ngay tới người có thẩm quyền xử phạt. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Về thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm tại khoản 4 Điều 15:

a) Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, tình trạng, chất lượng của tang vật bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện của tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

b) Trong trường hợp cần niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; nếu người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có ít nhất hai người chứng kiến.

c) Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

- Đối với tang vật, phương tiện bị tịch thu thì người đã ra quyết định tịch thu có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện.

Đối với những tang vật, phương tiện là các thiết bị được sử dụng để trộm cắp điện thì tùy từng trường hợp cụ thể, người ra quyết định tịch thu phải tiến hành xử lý nhằm loại bỏ những tính năng của thiết bị được sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp điện trước khi chuyển cho cơ quan bán đấu giá.

Đối với tang vật, phương tiện của một vụ vi phạm hành chính có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên thì người ra quyết

định tịch thu phải giao cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi có tang vật, phương tiện bị tịch thu để bán đấu giá. Nếu tang vật, phương tiện của một vụ vi phạm có giá trị dưới 10.000.000 đồng thì người đã ra quyết định tịch thu phải giao cho cơ quan tài chính cấp huyện tổ chức bán đấu giá. Việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá.

Tiền thu được từ bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật, phải được nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà không biết rõ chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận thì người có thẩm quyền tịch thu phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan người có thẩm quyền tịch thu; trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được thông báo công khai, nếu không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

- Đối với tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp.

- Chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các khoản chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Không thu phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc không áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện.

4. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực được xác định như sau:

a) Đối với vụ việc đơn giản, hành vi vi phạm rõ ràng, không cần xác minh thêm thì phải ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn không quá mười ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính.

b) Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp như tang vật, phương tiện cần giám định, cần xác định đối tượng vi phạm hành chính hoặc những tình tiết phức tạp khác thì thời hạn ban hành quyết định xử phạt là ba mươi ngày, kể từ ngày lập biên bản.

5. Việc chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực được thực hiện theo Điều 16 của Nghị định số 74/2003/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể một số điểm về cưỡng chế thi hành quyết định và thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế như sau:

a) Sau thời hạn mười ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện chấp hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, huyện, tỉnh; Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh; Chánh Thanh tra Điện lực Sở Công nghiệp và Chánh Thanh tra Điện lực Bộ Công nghiệp sẽ ra quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

- Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

- Các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

b) Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các cấp và Thủ

trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, phổ biến, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 74/2003/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công nghiệp để xem xét, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

HOÀNG TRUNG HẢI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

THÔNG TƯ số 123/2003/TT-BNN
ngày 14/11/2003 hướng dẫn
thực hiện Nghị định số 11/2002/
NĐ-CP ngày 22/01/2002 của
Chính phủ về việc quản lý các
hoạt động xuất khẩu, nhập
khẩu và quá cảnh các loài động
vật, thực vật hoang dã.

*Thực hiện Điều 30 của Nghị định số
11/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của
Chính phủ về việc quản lý các hoạt động*

*xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các
loài động vật, thực vật hoang dã (sau đây
gọi là Nghị định số 11/2002/NĐ-CP), Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
hướng dẫn chi tiết một số điểm như sau:*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

**1. Mẫu vật những loài động vật,
thực vật hoang dã được quy định
trong Thông tư này, bao gồm:**

a) Động vật, thực vật hoang dã được quy định tại Phụ lục I, II, III của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây gọi là Công ước CITES).

b) Động vật, thực vật hoang dã được quy định tại Danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm ban hành theo Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22/4/2002 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 48/2002/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung Danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ, ban hành theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng và Công văn số 3399/VPCP-NN ngày 21/6/2002 của Văn Phòng Chính phủ đính chính Danh mục động vật, thực vật hoang dã quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 48/2002/NĐ-CP.

c) Động vật hoang dã là thiên địch của chuột, quy định tại Chỉ thị số 09/1998/CT-TTg ngày 18/02/1998 của Thủ tướng